

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-PT
Ngày: 26 - 3 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung và tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Bà Vũ Thị Mai Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông
Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở
phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLPT-DS
ngày 02/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và tài sản khi ly hôn”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS – ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của
Tòa án nhân dân huyện Nam Trực bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2021/QĐXX-PT ngày 11
tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Đức K; Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị N; Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N

- Bà Vũ Thị P, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N

- Ông Phạm Minh H, sinh năm 1937

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N

- Bà Trần Thị V; sinh năm 1942

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N

- Anh Phạm Hà T2; sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N

- Chị Phạm Thị L; sinh năm 1994

Địa chỉ: xóm 12, xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

4. Người kháng cáo: Chị Phạm Thị N là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt anh K, chị N; ông H, bà V, anh T2, ông T1 xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2019, ngày 25/02/2020 và toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Văn K trình bày:

Anh chị tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào tháng 10 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về quan điểm, tính cách về mối quan hệ giữa chị N và gia đình nhà chồng không hòa thuận. Anh đã nhiều lần khuyên can nhưng chị N không nghe, không thay đổi. Anh phải chịu rất nhiều áp lực. Từ tháng 8 năm 2019, do không thể nào tiếp tục chịu đựng được nên anh đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh không thể nào tiếp tục chung sống cùng chị N nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có ba con chung tên là Phạm Hà T2 sinh ngày 06/11/1992, Phạm Thị L sinh ngày 28/8/1994 và Phạm Văn Tú sinh ngày 23/5/2004. Hiện nay cháu T2 và cháu L đã trên 18 tuổi tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu T đang ở cùng với mẹ. Khi ly hôn, quan điểm của anh là theo ý của con nếu cháu T muốn ở với mẹ thì anh để cháu ở cùng mẹ và anh sẽ cấp dưỡng theo quy định, nếu cháu ở cùng với anh thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị có những tài sản sau: Vào năm 1998, vợ chồng anh có xây dựng một nhà 2,5 tầng ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N với diện tích khoảng 80m² trên phần đất của bố mẹ đẻ anh. Đến năm 2018 tiếp tục sửa sang và xây mới như hiện nay. Cho đến thời điểm hiện nay bố mẹ anh vẫn chưa cho vợ chồng phần diện tích đất này. Tài sản của vợ chồng anh chỉ là nhà còn đất vẫn là của bố mẹ anh. Giá trị ngôi nhà vào khoảng 300 triệu đồng.

Vào năm 2008, vợ chồng anh mua của ông cậu anh là Trần Văn T1 một mảnh đất ở có diện tích khoảng 95m² nằm tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N với giá tiền là 50 triệu đồng. Khi mua hai bên chỉ viết tay giấy tờ không có xác nhận của chính quyền địa phương. Giấy mua bán chị N đang cầm. Đất chưa làm thủ tục sang tên vì anh đi làm xa không có thời gian. Đất hiện để không, không ai quản lý sử dụng. Giá trị quyền sử dụng đất khoảng 300 triệu đồng.

Về các tài sản khác: Năm 2012 vợ chồng anh mua 01 dream Việt Nam BKS 29H1- 30774, do mua lại nên xe vẫn mang tên chủ cũ, hiện nay do anh đang sử dụng; 01 xe Lead mua năm 2017 mang tên chị N, hiện nay xe đang do con gái đi.

Các đồ gia dụng gồm 01 tủ gỗ quần áo mua năm 2018 với giá 5 triệu đồng; một tủ tôn mua năm 2017 với giá 2,5 triệu đồng; một bình nóng lạnh mua năm 2018; 01 máy giặt mua năm 2017 với giá 12 triệu đồng; 01 điều hòa 2 chiều mua năm 2019 với giá 11 triệu đồng; 01 tủ ti vi và bộ bàn ghế gỗ mua 2008 với giá 8.5 triệu đồng; 02 lọ lộc bình gỗ mua năm 2017 với giá 10 triệu đồng; 01 kệ để đồ mua năm 2018 với giá 5 triệu đồng. Tất cả những tài sản trên hiện do chị N đang quản lý sử dụng. Đối với 01 ti vi mua năm 2017 và bộ loa đài, đây là tài sản của con trai Phạm Hà T2 chứ không phải tài sản chung của vợ chồng.

Đối với căn nhà cấp 4 năm gian ở thôn T bao nhiêu m² anh không rõ, đây là nhà và đất của bố mẹ anh. Trước đây bố mẹ anh có làm thủ tục cho anh phân căn nhà đó để làm chỗ thờ cúng ông bà tổ tiên sau này. Tuy nhiên, do anh chưa có điều kiện để làm vì vậy khi anh chuyển ra căn nhà mới năm 1996 anh đã trả lại phần diện tích đất trên cho bố mẹ anh. Hiện nay phần diện tích đất này mang tên bố mẹ anh là Phạm Minh H. Không có việc vợ chồng thanh toán số tiền 03 triệu đồng cho bố mẹ anh.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Khi ly hôn, quan điểm của anh về việc chia tài sản chung là vợ chồng chia đôi mỗi người một nửa. Nếu chị N muốn lấy đất 95m² mua của ông T1 thì anh lấy ngôi nhà 2,5 tầng và hỗ trợ riêng cho chị N 50 triệu để xây nhà mới. Còn xe Lead cho con gái Phạm Thị L, xe Dream anh sử dụng, các tài sản còn lại chị N muốn lấy gì thì tùy chị N.

* Theo bản tự khai ngày 13/01/2020 và toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Chị Phạm Thị N trình bày:

Vợ chồng chị có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào tháng 10 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh K đánh đập, vợ chồng bất hòa chị đã bỏ đi sau đó anh K xin lỗi nên vợ chồng lại quay về tiếp tục chung sống. Mấy năm gần đây anh K hay chơi bời bạn bè, tụ tập ăn uống hát hò chị có khuyên nhưng anh không nghe. Đến khoảng tháng 9 năm 2019 không hiểu vì lý do gì anh K về nhà đánh đập chửi bới chị rồi anh K bỏ nhà đi, từ đó vợ chồng ly thân. Nay anh K xin ly hôn chị chỉ đồng ý ly hôn nếu anh K chuyển tài sản cho chị, nếu không chị không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung tên là Phạm Hà T2 sinh ngày 06/11/1992, Phạm Thị L sinh ngày 28/8/1994 và Phạm Văn T sinh ngày 23/5/2004. Hiện nay cháu T2 và cháu L đã trên 18 tuổi tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu T đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, quan điểm của chị L nuôi cháu T và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 5 triệu/1 tháng.

Về tài sản chung, vợ chồng chị có: Nhà cấp 4 năm gian ở thôn Tiền Vinh bao nhiêu m² chị không rõ, bố mẹ chồng chị đã xây từ lâu, đến năm 1992 vợ chồng chị đã thanh toán cho bố mẹ chồng 03 triệu đồng để vợ chồng chị lấy nhà và đất. Đất hiện nay mang tên ai chị không biết. Nhà cấp 4 này sửa lại năm 1993 đến năm 2018 tiếp tục sửa chữa, đổ sân, xây tường bao quanh nhà. Nhà hiện không có ai ở. Nhà đất này hiện nay có giá khoảng 500 triệu đồng. Khi vợ chồng chị thanh toán

tiền cho bố mẹ anh K thì không lập thành văn bản, chỉ có bố con trong gia đình biết với nhau.

Năm 1998, vợ chồng chị có xây dựng được căn nhà 2,5 tầng ở thôn Tiền Vinh khoảng 80m², đến năm 2018 tiếp tục sửa sang và xây mới như hiện nay. Nhà xây trên đất của bố mẹ đẻ anh K, hiện nay đất vẫn mang tên bố mẹ anh K. Căn nhà này trị giá khoảng 700 đến 800 triệu đồng.

Năm 2008, vợ chồng chị có nhận chuyển nhượng của ông cậu của anh K là Trần Văn T1 một mảnh đất ở có diện tích khoảng 95m² với giá 50 triệu đồng. Khi mua có giấy tờ viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương. Giấy mua bán hiện anh K nói đã bị mất. Phần diện tích đất này chưa làm thủ tục sang tên vì anh K cứ lần lữa không làm thủ tục sang tên. Đất hiện để không, không ai quản lý sử dụng. Giá trị quyền sử dụng đất khoảng 300 triệu đồng

Về các tài sản khác: 01 xe Dream mua đã từ lâu, BKS xe bao nhiêu chị không nhớ, hiện nay do anh K đang sử dụng; 01 xe Lead mua năm 2017 mang tên chị. Năm 2019 chị đã bán xe Lead với giá 30 cho con gái để lấy tiền ăn tiêu sinh hoạt và chữa bệnh. Các đồ gia dụng gồm 01 tủ gỗ quần áo mua năm 2018 với giá 5 triệu đồng; 01 tủ tôn mua năm 2017 với giá 2,5 triệu đồng; 01 bình nóng lạnh mua năm 2018; 01 máy giặt mua năm 2017 với giá 12 triệu đồng; 01 điều hòa 2 chiều mua năm 2019 với giá 11 triệu đồng; 01 tủ ti vi và bộ bàn ghế gỗ mua 2008 với giá 8.5 triệu đồng; 02 lọ lục bình gỗ mua năm 2017 với giá 10 triệu đồng; 01 kệ để đồ mua năm 2018 với giá 5 triệu đồng. Ngoài ra vợ chồng còn 01 ti vi mua năm 2017 với giá 55 triệu đồng và bộ loa đài khoảng 30 triệu đồng; các tài sản này hiện do anh K quản lý sử dụng. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản nào khác.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị nhiều lần vay tiền của con gái là Phạm Thị L ở thôn Giao Cù, xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định với tổng số tiền là 31 triệu đồng. Tuy nhiên, khi vay anh K không phải là người trực tiếp đi vay, con gái của anh chị tự ghi sổ và báo lại cho chị biết số tiền vay trên. Mục đích vay là để sử dụng tiêu dùng cho gia đình. Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

Khi ly hôn, quan điểm của chị về việc chia tài sản chung là: Vợ chồng chia đôi mỗi người một nửa. Chị muốn lấy đất 95m² đất mua của ông T1, các tài sản còn lại thì chia cho anh K sử dụng và anh K phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị số tiền là 200.000.000 đồng để chị xây căn nhà mới cho mình và các con sau khi vợ chồng ly hôn.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2020, ông Trần Văn T1 có vợ L bà Vũ Thị P trình bày: Vợ chồng ông bà có quyền sử dụng đất ở với diện tích L 384m² nằm tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N đã được Ủy ban nhân dân huyện Nam Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông bà vào năm 1995. Đến đầu năm 2010, ông bà có chuyển nhượng cho vợ chồng anh K, chị N một phần đất trên với diện tích là 96 m². Khi mua chỉ viết giấy viết tay không làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Từ đó cho đến nay anh K, chị N chưa làm thủ tục tách thửa với phần diện tích đất đã mua. Cho đến thời điểm hiện nay giữa vợ chồng ông bà và anh K, chị N không phát sinh tranh chấp gì. Ông bà

khẳng định đã chuyển nhượng phần diện tích đất trên cho vợ chồng anh K, chị Năm.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2020, người có quyền liên nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh H và bà Trần Thị V trình bày: Phần diện tích mà anh K, chị Năm đã xây dựng nhà 2 tầng tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N có nguồn gốc là của vợ chồng ông. Trước đây trên phần đất này có 05 gian nhà lợp ngói của vợ chồng ông bà. Đến năm 1992 thì anh K đã dỡ ở thổ trong nhà căn nhà gỗ nghiêng và hạ giải 5 gian nhà lợp ngói của vợ chồng ông bà để làm nhà mới có đồ mái bằng. Cách đây 5 năm thì anh chị mới nâng cấp như ngày nay. Phần đất này vợ chồng ông bà chưa là thủ tục chuyển nhượng cho anh K, chị N. Tại thời điểm anh chị xây dựng nhà cho đến nay không phát sinh tranh chấp gì. Mục đích muốn để anh chị ở gần giúp đỡ ông bà lúc già yếu. Nay anh K, chị N ly hôn đề nghị Tòa án buộc anh chị trả đất lại cho ông bà.

* Tại bản tự khai ngày 14/07/2020, người có quyền liên nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hà T2 trình bày: Anh là con trai của ông K, bà Năm. Vào năm 2019 anh có mua 01 bộ loa nghe nhạc liên doanh nhãn hiệu CFA và ruột âm ly ZAUA với giá 10.000.000 đồng và 01 tivi Samsung 55inch trị giá 12.013.000 đồng. Nay bố mẹ ly hôn anh xác định tài sản này là của anh, không thể đưa vào tài sản chung của bố mẹ để giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2020 người có quyền liên nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L trình bày: Từ năm 2018 cho đến nay mẹ chị là bà N nhiều lần vay tiền của chị. Cụ thể mỗi lần vay chị không nhớ được. Mục đích là để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Việc bố chị là ông K có biết không chị không nắm được. Vì mẹ con nên không viết giấy mượn tiền, vay không có lãi suất và thời hạn thanh toán khi nào có thì trả. Đến nay, tổng số tiền mẹ chị vay là 31.000.000 đồng. Nay bố mẹ ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc xe máy Lead 125 màu vàng nâu bố mẹ chị đã thống nhất chuyển nhượng cho chị từ năm 2019 với giá 35.000.000 đồng. Số tiền này chị đã thanh toán đủ cho bố mẹ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS – ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực bị quyết định:

Căn cứ Điều 37, Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Đức K và Chị Phạm Thị N.
2. Về nuôi con chung: Giao cho Chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi con chung là Phạm Văn T sinh ngày 23/5/2004. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 02 triệu đồng, kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung thành niên và lao động tự lập được. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn.

3. Về chia tài sản:

3.1. Chia cho anh Phạm Đức K được quyền sử dụng đất với diện tích 104m² nằm tại thôn Tiền V, xã Nam Thái trên thửa 135 tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H, bà V. Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất ông H (anh Khuê đang sử dụng); phía Nam giáp đường xóm; phía Đông giáp đất ông H và phía Tây giáp đất ông H (anh Khuê đang sử dụng). Và được quyền sở hữu các công trình xây dựng trên đất là căn nhà mái bằng 2,5 tầng và 01 mái lợp tôn trước nhà xây dựng trên phần đất trên. Ngoài ra, được quyền sử dụng đất với diện tích 290m² nằm tại thôn Tiền Vinh, xã Nam Thái trên thửa 113 tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông K. Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất bà H, phía Nam giáp đất ông B, phía Đông giáp đường xóm, phía Tây giáp đất ông T3, ông T4 và được quyền sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên đất là căn nhà cấp 4 đã cũ, 01 bể nước và 01 giếng khơi. Đồng thời, được quyền sở hữu các tài sản khác như 01 xe máy Dream BKS: 29H1 - 30774, 01 loa và 01 ti vi Samsung, 01 điều hòa, 01 bình nóng lạnh, 01 tủ đựng tivi, 01 lọ gỗ sồi tổng giá trị là 819.414.000 đồng. Anh K có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị N với số tiền là 145.800.000 (Một trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm ngàn đồng). (Phần diện tích đất anh K được chia có sơ đồ kèm theo)

Khi bản án có hiệu lực ông Phạm Minh H và bà Trần Thị V có nghĩa vụ cùng anh K làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất 104m² nằm tại thôn Tiền Vinh, xã Nam Thái trên thửa 135 tờ bản đồ số 13 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Và anh Phạm Hà T2 có nghĩa vụ bàn giao tài sản là 01 tivi Sam sung 55inch và bộ loa CFA cho anh K.

3.3. Chia cho chị Năm được quyền sử dụng phần đất ở có diện tích 96 m² nằm tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N trên thửa 47, tờ bản đồ số 14 hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn T1, bà Vũ Thị P. Phần diện tích đất này có vị trí như sau: phía Nam giáp đất ông T3, phía Bắc giáp đất ông T4, phía Đông giáp đường trục xã và phía Tây giáp ruộng. Đồng thời chị Năm được quyền sở hữu 01 tủ gỗ đựng quần áo, 01 tủ tôn đựng quần áo, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ để đồ với tổng giá trị là 434.280.000 đồng và được nhận thanh toán chênh lệch tài sản từ anh K với số tiền là 145.800.000 đồng (Một trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực ông Trần Văn T1 và bà Vũ Thị P có nghĩa vụ cùng chị N hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 96 m² nằm tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N trên thửa 47, tờ bản đồ số 14. (Phần diện tích đất chị N được chia có sơ đồ kèm theo)

3.4. Chị N có trách nhiệm thanh toán nghĩa vụ tài sản cho chị Phạm Thị L đối với khoản nợ 31.000.000 đồng.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản

tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Anh K phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí chia tài sản 31.694.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0001051 ngày 20/12/2019 và số tiền 20.000.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0001100 ngày 26/2/2020; Anh K còn phải nộp 11.394.000 đồng.

5.2. Chị N phải nộp 26.753.000 đồng án phí chia tài sản chung.

* Tại đơn kháng cáo ngày 05/10/2020 chị N kháng cáo bản án sơ thẩm về phần chia tài sản là nhà đất. Chị N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chị thừa đất không có nhà, chia cho anh K 2 thừa đất có nhà, trong khi đó chị phải nuôi con và hiện nay không có nhà ở. Vì vậy chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để bảo đảm quyền lợi cho chị.

* Tại phiên toà anh K, chị N thỏa thuận thống nhất như sau:

1. Về tình cảm, con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh K, chị Năm không kháng cáo, nhất trí với bản án sơ thẩm.

2. Về tài sản, công nợ anh K, chị N thống nhất thỏa thuận như sau:

- Anh K, chị N thống nhất xác định khối tài sản chung và nợ chung của vợ chồng gồm:

+ Bất động sản: Thừa đất 96m² trên thửa số 17, tờ bản đồ số 14 mang tên ông T1, bà P; Thừa đất 104m² thửa 135 tờ bản đồ số 13 mang tên ông H, bà V và công trình xây dựng trên đất; Thừa đất 290 m² thửa 113, tờ bản đồ số 13 mang tên hộ ông K và công trình xây dựng trên đất. Cả 3 thửa đất trên đều tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N và các công trình xây dựng trên 2 mảnh đất.

+ Các tài sản khác: 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 máy giặt, 01 tủ tôn đựng quần áo, 01 điều hòa 02 chiều, 01 xe máy Dream BKS 29H1- 30774, 01 tủ gỗ đựng quần áo, 01 bình nóng lạnh, 01 tủ ti vi, 02 lọ lục bình gỗ, 01 kệ để đồ, 01 ti vi Samsung, 01 bộ loa đài.

+ Về công nợ: Nợ của chị Phạm Thị L số tiền 31.000.000 đồng.

- Anh K, chị N thỏa thuận phân chia khối tài sản chung và nợ chung như sau:

+ Chị N được quyền sử dụng mảnh đất 96m², thửa số 17, tờ bản đồ số 14 mang tên ông T1, bà P tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N và sở hữu 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 máy giặt, 01 tủ tôn đựng quần áo, 01 điều hòa 02 chiều.

+ Anh K được quyền sử dụng mảnh đất 104m², thửa số 135 tờ bản đồ số 13 mang tên ông H, bà V và sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N; mảnh đất 290 m², thửa số 113, tờ bản đồ số 13 mang tên hộ ông K và sở hữu

công trình xây dựng trên đất tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N. Anh K được sở hữu 01 xe máy Dream BKS 29H130774, 01 tủ gỗ đựng quần áo, 01 bình nóng lạnh, 01 tủ ti vi, 02 lọ lục bình gỗ, 01 kệ để đồ, 01 ti vi Sam sung, 01 bộ loa đài.

+ Về công nợ: Anh K có trách nhiệm trả chị L số tiền 15.500.000 đồng, chị N có trách nhiệm trả chị L số tiền 15.500.000 đồng.

+ Về trả tiền chênh lệch tài sản: Anh K có trách nhiệm trả chị N số tiền 145.800.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS – ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Chị Phạm Thị N làm hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nội dung:

[2.1] Về tình cảm, con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh K, chị N không kháng cáo, nhất trí với bản án sơ thẩm.

[2.2] Về tài sản, công nợ: Xét thấy tại phiên tòa chị N và anh K thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản và công nợ, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí :

Anh K phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí chia tài sản chung;

Chị N phải chịu án phí chia tài sản và án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Sửa bản dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS – ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Căn cứ Điều 33, 37, 56, 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Đức K và Chị Phạm Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn T2 sinh ngày 23/5/2004 cho Chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Đức K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu T thành niên và lao động tự lập được.

Anh K có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia tài sản chung, nợ chung như sau:

3.1. Chia cho anh Phạm Đức K được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích 104m² đất tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N, thửa 135, tờ bản đồ số 13, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Minh H và bà Trần Thị V. Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất ông H (anh K1 đang sử dụng), phía Nam giáp đường xóm, phía Đông giáp đất ông H, phía Tây giáp đất ông H (anh K1 đang sử dụng). Các công trình xây dựng trên đất L căn nhà mái bằng 2,5 tầng và 01 mái lợp tôn trước nhà. (Có sơ đồ kèm theo)

- Diện tích 290m² đất tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N, thửa số 113, tờ bản đồ số 13, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Đức K. Phần đất này có vị trí như sau: phía Bắc giáp đất bà H, phía Nam giáp đất ông B, phía Đông giáp đường xóm, phía Tây giáp đất ông T2, ông T3. Các công trình xây dựng trên đất L căn nhà cấp 4 đã cũ, 01 bể nước và 01 giếng khơi. (Có sơ đồ kèm theo)

- 01 xe máy Dream BKS 29H1 - 30774, 01 tủ gỗ đựng quần áo, 01 bình nóng lạnh, 01 tủ ti vi, 02 lọ lục bình gỗ, 01 kệ để đồ, 01 ti vi Samsung, 01 bộ loa đài.

- Anh Phạm Đức K có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho Chị Phạm Thị N số tiền L 145.800.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

3.2. Chia cho Chị Phạm Thị N được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích 96 m² đất tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N, thửa số 47, tờ bản đồ số 14, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn T1 và bà Vũ Thị P. Phần diện tích đất này có vị trí như sau: phía Nam giáp đất ông T3, phía Bắc

giáp đất ông T1, phía Đông giáp đường trục xã và phía Tây giáp nương. (Có sơ đồ kèm theo)

- 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 máy giặt, 01 tủ tôn đựng quần áo, 01 điều hòa hai chiều.

- Chị Phạm Thị N được nhận thanh toán chênh lệch tài sản từ anh Phạm Đức K số tiền L 145.800.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

3.3. Anh Phạm Đức K có trách nhiệm trả chị Phạm Thị L số tiền 15.500.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng); Chị Phạm Thị N có trách nhiệm trả chị Phạm Thị L số tiền 15.500.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Nghĩa vụ bàn giao:

- Anh Phạm Đức K có nghĩa vụ bàn giao các tài sản chị N được chia cho Chị Phạm Thị N.

- Chị Phạm Thị N có nghĩa vụ bàn giao các tài sản anh K được chia cho anh Phạm Đức K.

- Anh Phạm Hà T2 có nghĩa vụ bàn giao tài sản L 01 tivi Samsung và 01 bộ loa đài cho anh Phạm Đức K.

- Ông Trần Văn T1, bà Vũ Thị P và anh Phạm Đức K có nghĩa vụ hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 14, diện tích 96 m² tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N; bàn giao đất và các giấy tờ đất cho Chị Phạm Thị N.

6. Anh Phạm Đức K, Chị Phạm Thị N, ông Phạm Minh H, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1 và bà Vũ Thị P có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với ba thửa đất nêu trên.

7. Án phí dân sự:

- Anh Phạm Đức K phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí chia tài sản 30.288.960 đồng. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001051 ngày 20/12/2019 và số tiền 20.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0001100 ngày 26/2/2020; Anh K còn phải nộp 9.988.960đ (Chín triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng).

Chị Phạm Thị N phải nộp 26.618.000 đồng án phí chia tài sản chung và 300.000đ án phí phúc thẩm dân sự. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực

theo biên lai thu số 0000245 ngày 05/10/2020. Chị N còn phải nộp 26.618.000đ (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười tám nghìn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM P - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Tiến Dũng
(Đã ký)